CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội

Ngày 31/12/2024	35,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**16.7%**	**31.9%**

DT thuần
Q4/24
384
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 168| 77.9%
YoY: ▲ 384| 142208%

LN thuần
Q4/24
272
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 155| 132%
YoY: ▲ 272| 61917%

LN sau thuế
Q4/24
218
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 124| 131%
YoY: ▲ 218| 145305%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
49.0%
YoY: +/-▲ 29.3%

ROE
2024
116%
YoY: +/-▲ 116%

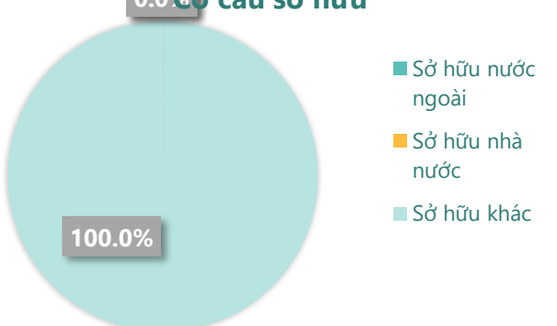
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,911 - 40,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	893
Số lượng CPLH (CP)	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.08
EPS	28,403
P/E	1.3

DT thuần
2024
1,815
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,814|

LN thuần
2024
887
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 887| 358689%

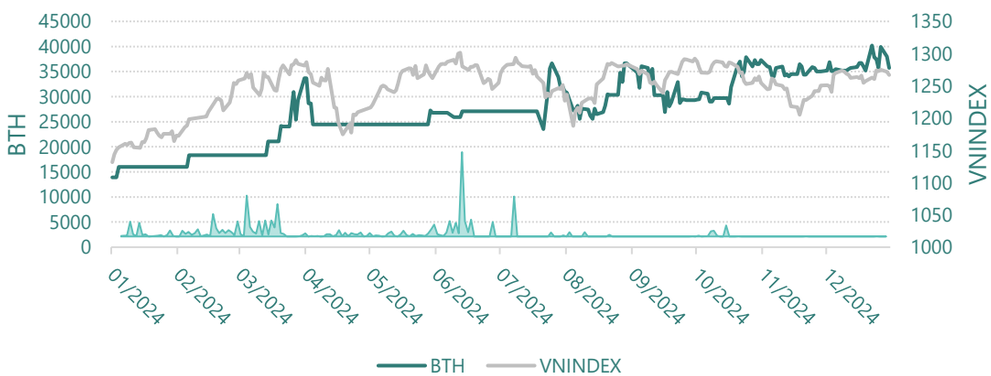
LN sau thuế
2024
710
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 710| 677894%

Cơ cấu sở hữu

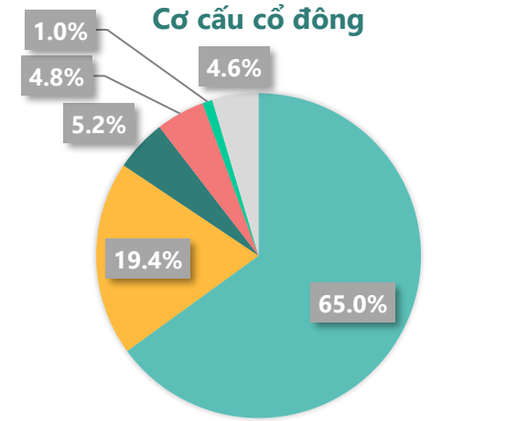


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



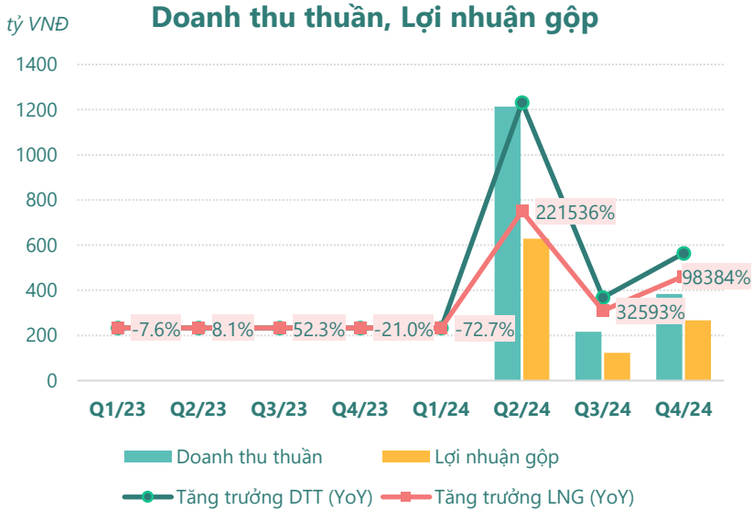
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

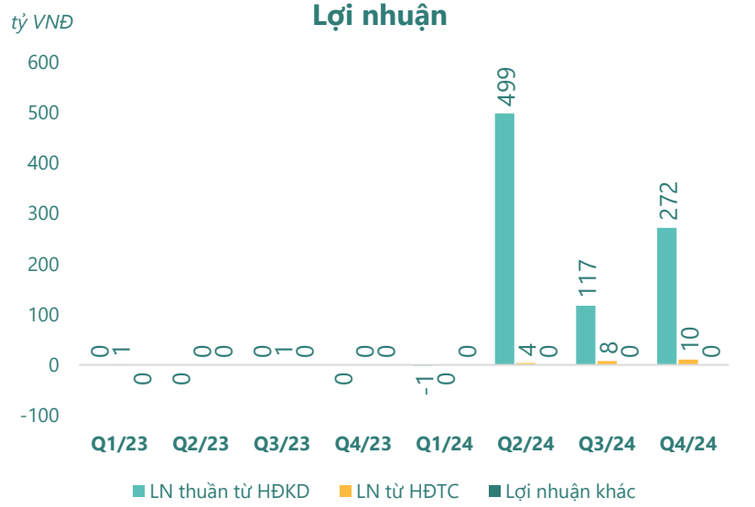
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



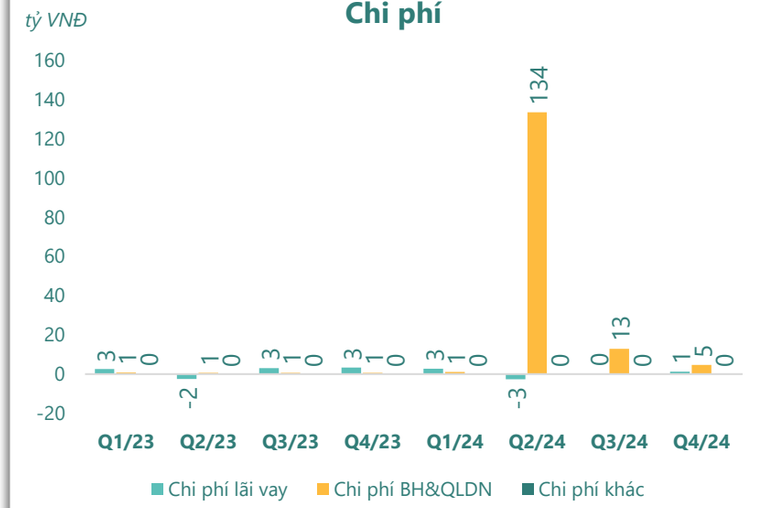
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



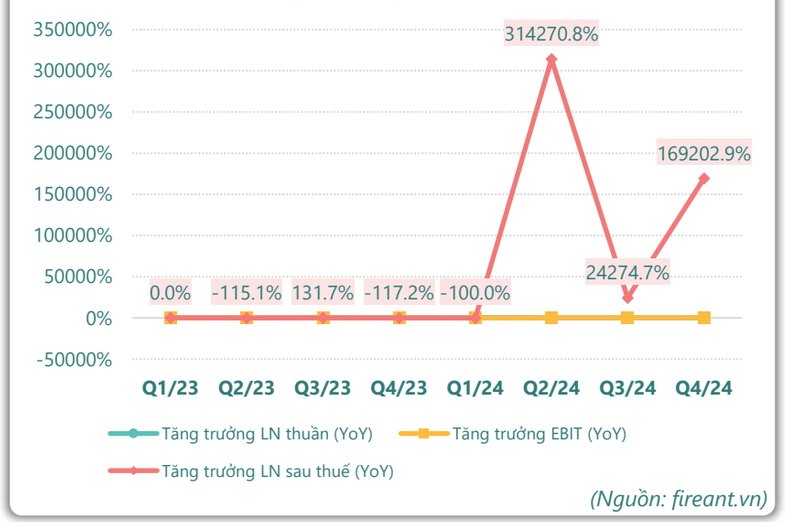
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



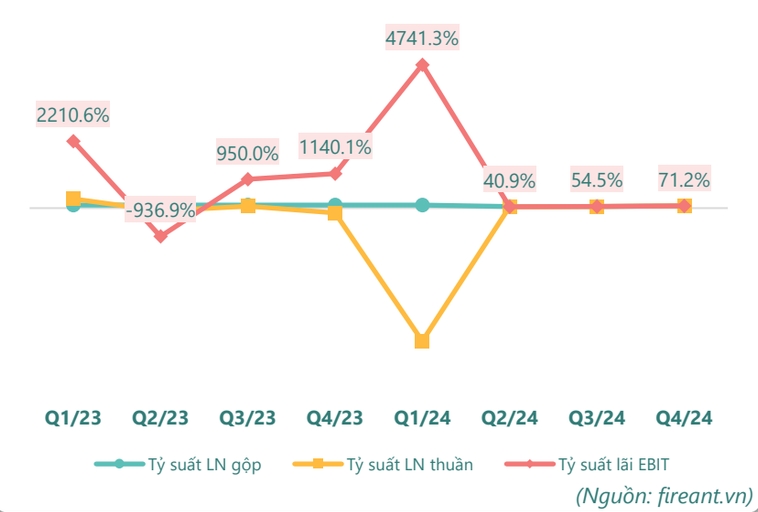
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



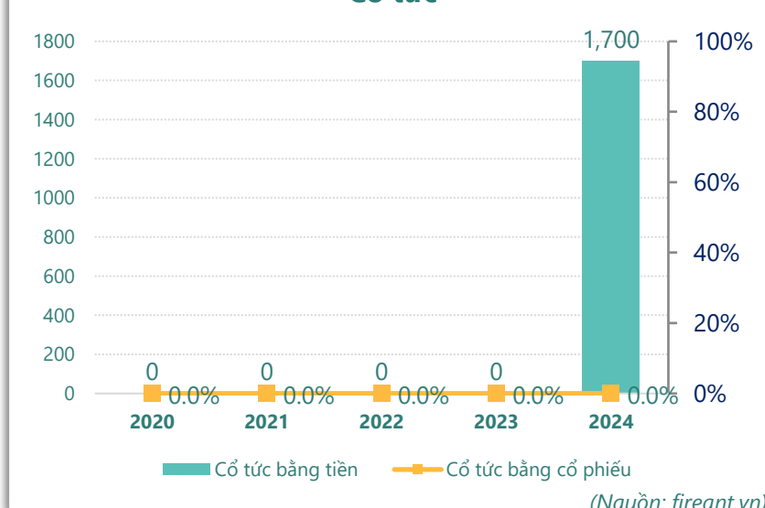
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

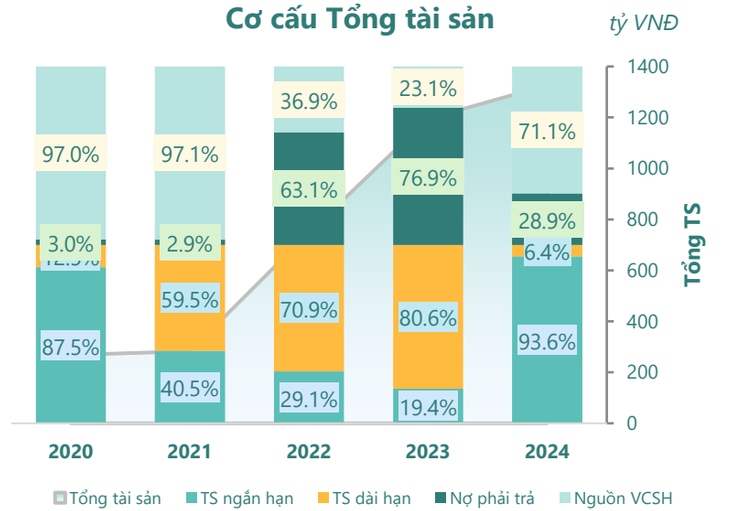
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

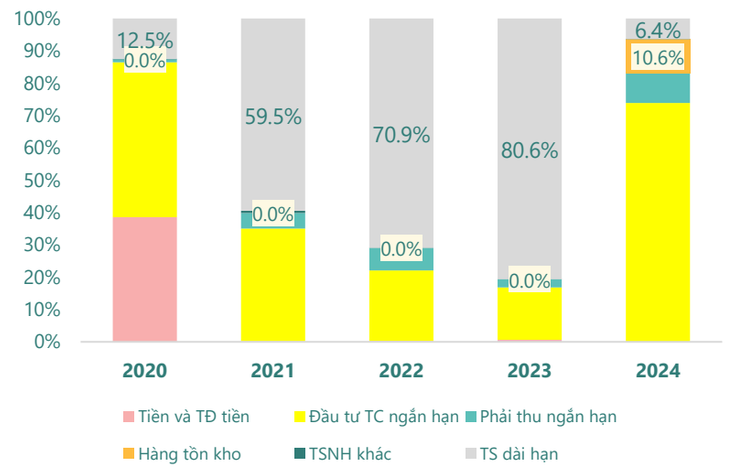
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



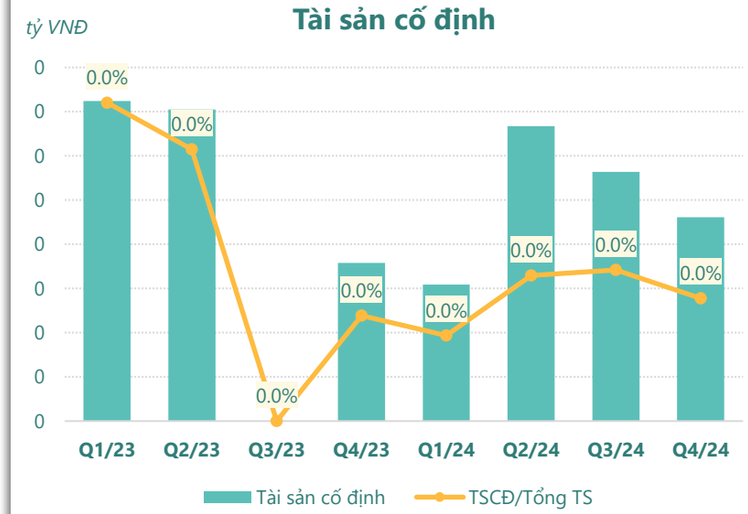
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



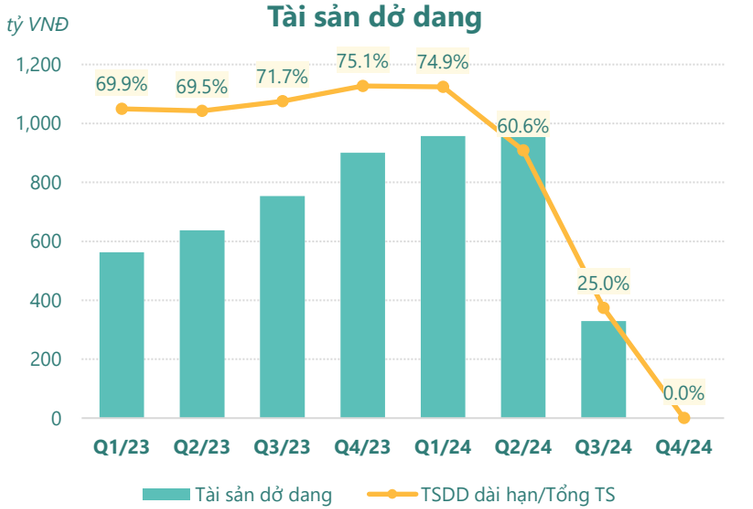
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



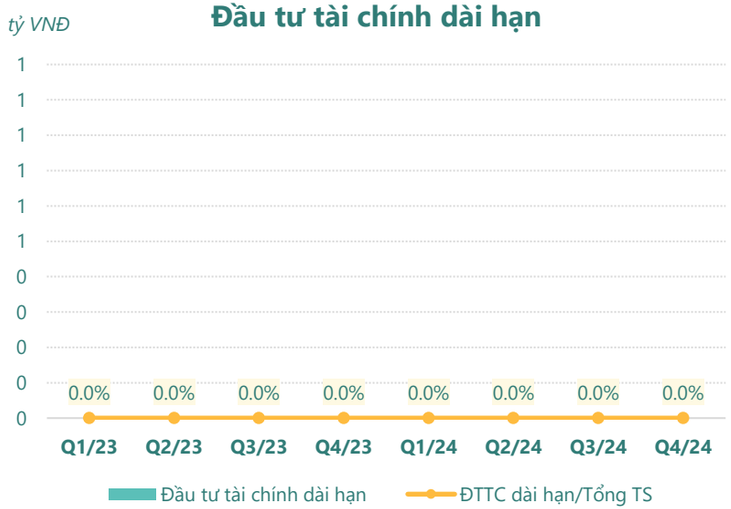
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



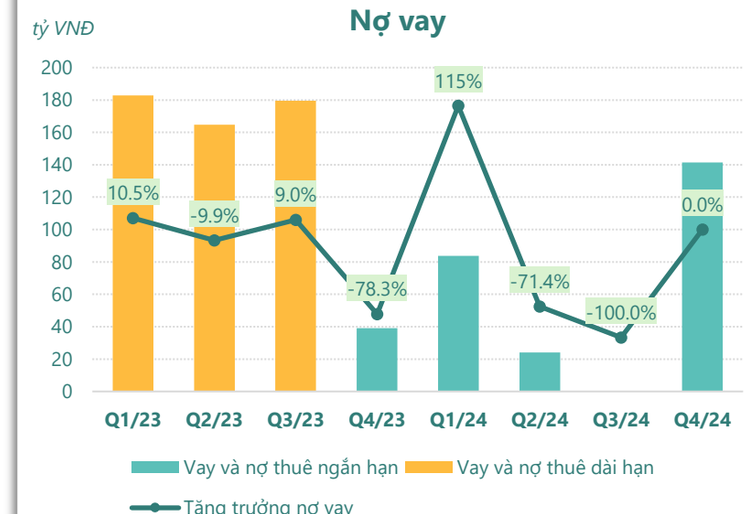
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

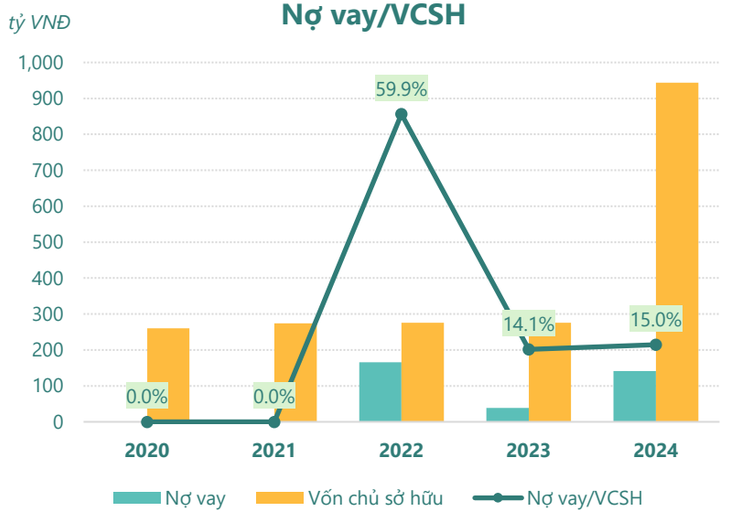
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

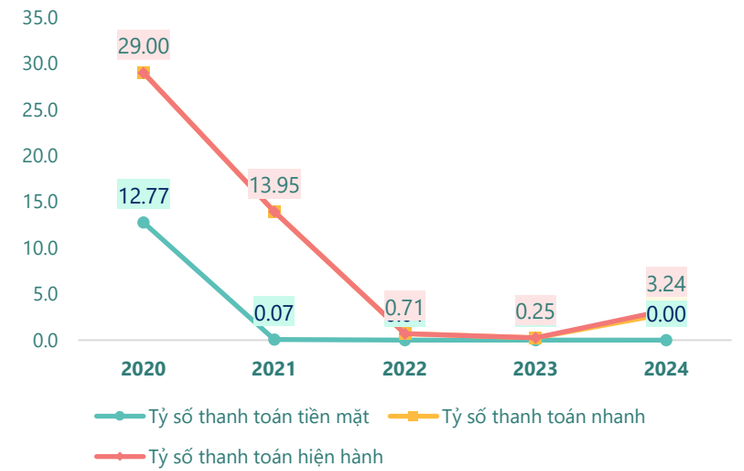
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



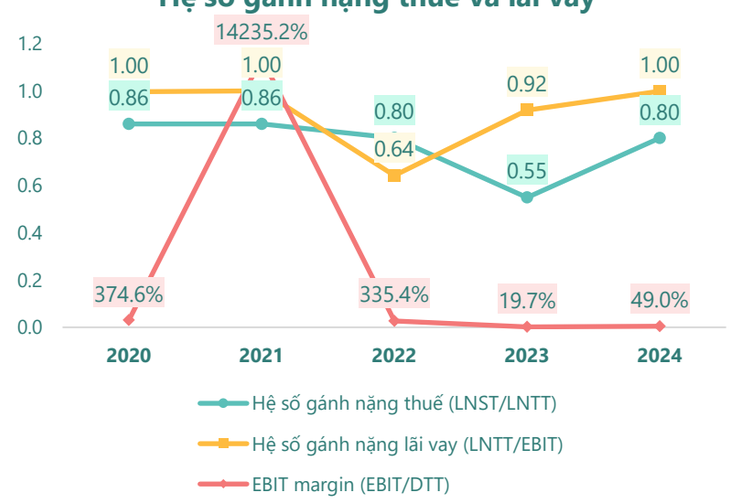
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



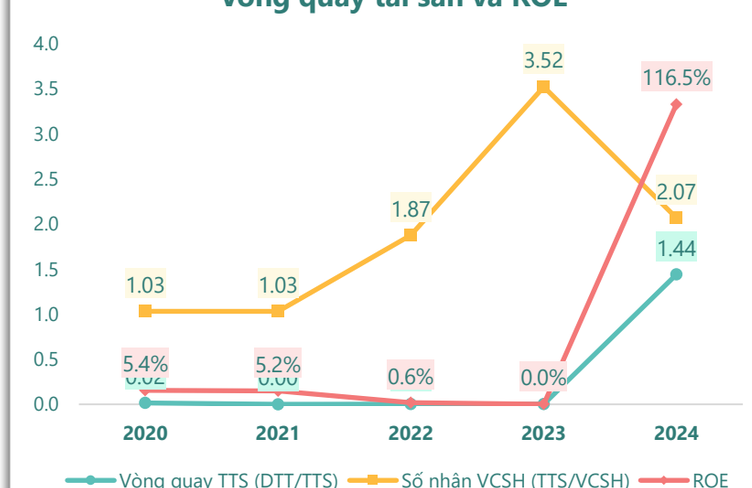
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



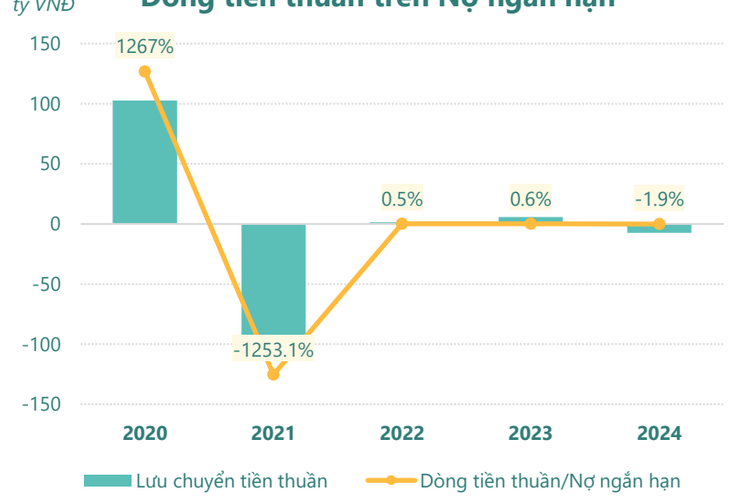
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**384**	**0.27**	**142208%**	**1,815**	**1.05**	**172248%**
Giá vốn hàng bán	118	0.00		797	0	
Lợi nhuận gộp	266	0.27	98572%	1,018	1.05	96563%
Doanh thu HĐTC	11.5	3.28	251%	26.3	13.7	91.5%
Chi phí TC	1.21	3.28	-63.0%	5.15	12.0	-57.1%
Chi phí lãi vay	1.21	3.26	-62.8%	1.58	0.02	9192%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.41	0.00		147	0	
Chi phí QLDN	**1.32**	**0.72**	**83.7%**	**4.86**	**3.01**	**61.6%**
LN thuần từ HĐKD	272	-0.44	61917%	887	-0.25	358689%
Lợi nhuận khác	**0.28**	**0.26**	**6.5%**	**1.07**	**0.44**	**143%**
LN trước thuế	272	-0.18	151362%	888	0.19	464896%
Lợi nhuận sau thuế	**218**	**-0.15**	**145305%**	**710**	**0.10**	**677894%**
LNST của CĐ cty mẹ	**218**	**-0.15**	**145305%**	**710**	**0.10**	**677894%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	221	-31.3	382	380	-58.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-7.82	-17.1	-322	-349	-93.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-212	44.7	-59.7	-24.0	142
Tiền đầu kỳ	0	6.43	7.74	4.09	4.12	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**1.31**	**-3.66**	**0.03**	**6.71**	**-10.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	7.74	4.09	4.12	10.8	0.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,326**	**1,194**	**11.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,241	231	437%
Tiền và tương đương tiền	0.38	7.74	-95.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	980	194	406%
Phải thu ngắn hạn	121	29.8	306%
Hàng tồn kho	140	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.04	10.6%
Tài sản dài hạn	**85.2**	**963**	**-91.2%**
Phải thu dài hạn	0	10.7	-100%
Tài sản cố định	0.05	0.04	28.9%
Bất động sản đầu tư	84.8	0	
Tài sản dở dang	0	901	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.37**	**51.7**	**-99.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	383	918	-58.3%
Nợ ngắn hạn	**383**	**918**	**-58.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	142	39.0	263%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.7	88.0	-68.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**943**	**276**	**242%**
Vốn chủ sở hữu	**943**	**276**	**242%**
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)